

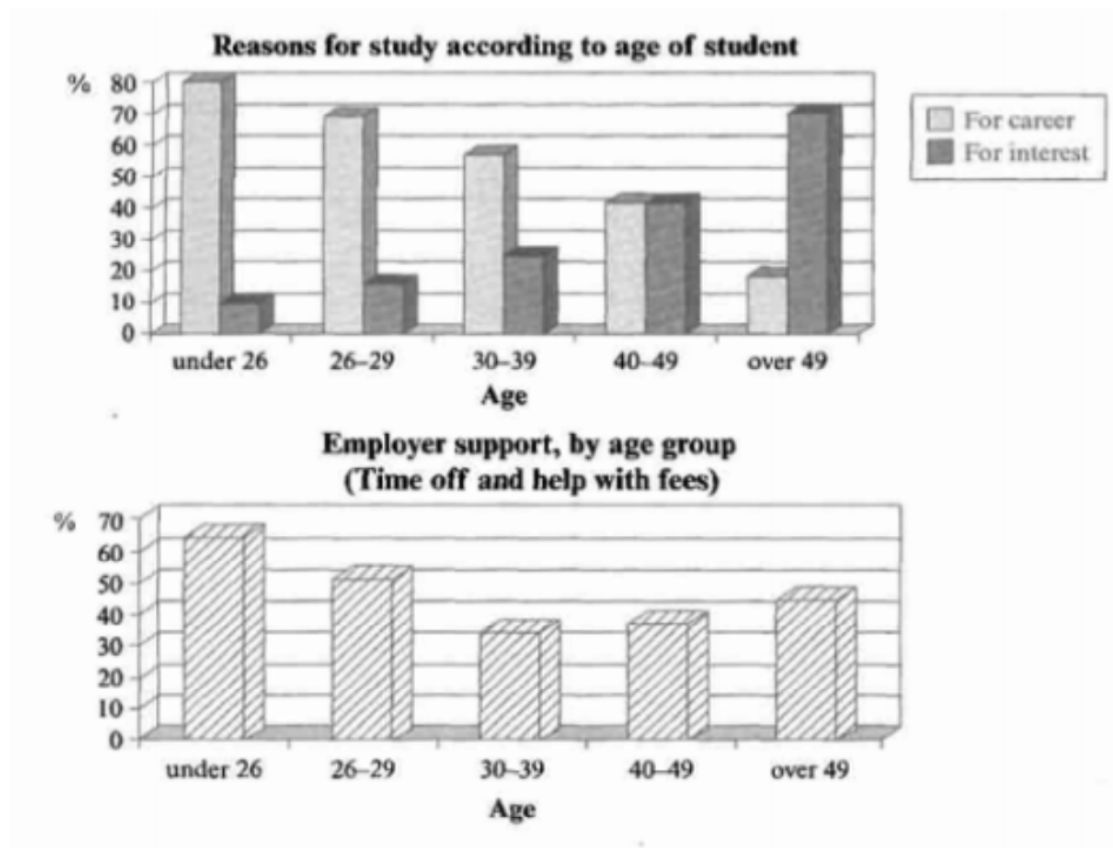
WRITING TASK 1

CHALLENGE 39

DẠNG: BAR CHART

The charts below show the main reasons for study among students of different age groups and the amount of support they received from employers.

Summarise the information by selecting and reporting the main features and make comparisons where relevant.



BƯỚC 1: Đọc đề và thực hiện theo các bước sau:

- 1/ Tạo structure (dàn ý) cho bài (có mấy đoạn, mỗi đoạn viết gì)
- 2/ Xác định 1-2 điểm nổi bật nhất và chung nhất để làm câu nhận xét tổng quan (overview) + Các key features mà bạn sẽ mô tả về chart (Body paragraphs)



Next Level English

Take your English to the next level with IELTS teachers 8.0+

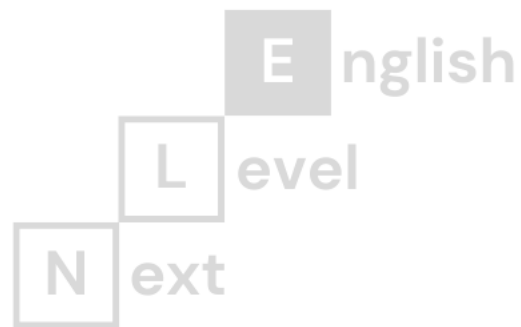
Website: nextlevelenglish.vn

Fanpage/YouTube: [Next Level English](#)

Group: [Học IELTS 8.0+ cùng Hanna](#)

Phone: 0869.354.255 (Zalo – Nuhao)

BƯỚC 2: Tự viết bài theo ý của bạn (min 150 từ), cố gắng canh thời gian ≤ 20 phút.



BƯỚC 3: Đọc bài mẫu và học từ vựng**Sample essay (Simon_band 9.0)**

The bar charts compare students of different ages in terms of why they are studying and whether they are supported by an employer.

It is clear that the proportion of students who study for career purposes is far higher among the younger age groups, while the oldest students are more likely to study for interest. Employer support is more commonly given to younger students.

Around 80% of students aged under 26 study to further their careers, whereas only 10% study purely out of interest. The gap between these two proportions narrows as students get older, and the figures for those in their forties are the same, at about 40%. Students aged over 49 overwhelmingly study for interest (70%) rather than for professional reasons (less than 20%).

Just over 60% of students aged under 26 are supported by their employers. By contrast, the 30–39 age group is the most self-sufficient, with only 30% being given time off and help with fees. The figures rise slightly for students in their forties and for those aged 50 or more.

(178 words, band 9)

1/ Structure essay (dàn ý)**Paragraph 1 – Introduction**

- Paraphrases the task question.
- States what is being compared:
 - Students of different ages
 - Reasons for studying
 - Employer support

Paragraph 2 – Overview

- Summarises the main trends without figures.
- Highlights two key features:
 - Younger students mainly study for career purposes, while older students study for interest.
 - Employer support is more common among younger students.

Paragraph 3 – Details (Reasons for studying)

- Describes study motivations among younger students.
- Explains how the gap narrows with age.
- Highlights the dominance of interest-based study among the oldest group.

Paragraph 4 – Details (Employer support)

- Describes levels of employer support across age groups.
- Identifies the most self-sufficient age group.
- Notes a slight rise in support among older students.

2/ Dịch song ngữ:

English	Vietnamese
The bar charts compare students of different ages in terms of why they are studying and whether they are supported by an employer .	Các biểu đồ cột so sánh sinh viên ở các độ tuổi khác nhau xét về lý do họ đi học và việc họ có được nhà tuyển dụng hỗ trợ hay không .
It is clear that the proportion of students who study for career purposes is far higher among the younger age groups, while the oldest students are more likely to study for interest . Employer support is more commonly given to younger students.	Có thể thấy rõ rằng tỷ lệ sinh viên học tập vì mục đích nghề nghiệp cao hơn nhiều ở các nhóm tuổi trẻ, trong khi sinh viên lớn tuổi nhất có xu hướng học vì sở thích . Sự hỗ trợ từ nhà tuyển dụng phổ biến hơn đối với sinh viên trẻ tuổi.
Around 80% of students aged under 26 study to further their careers , whereas only 10% study purely out of interest . The gap between these two proportions narrows as students get older, and the figures for those in their forties are the same . Students aged over 49 overwhelmingly study for interest rather than for professional reasons.	Khoảng 80% sinh viên dưới 26 tuổi học để phát triển sự nghiệp , trong khi chỉ 10% học hoàn toàn vì sở thích . Khoảng cách giữa hai tỷ lệ này thu hẹp lại khi sinh viên lớn tuổi hơn, và số liệu của nhóm ngoài 40 tuổi là bằng nhau . Sinh viên trên 49 tuổi chủ yếu học vì sở thích hơn là vì lý do nghề nghiệp.
By contrast , just over 60% of students aged under 26 are supported by their employers. The 30–39 age group is the most self-sufficient , with only 30% being given time off and help with fees. The figures rise slightly for students in their forties and for those aged 50 or more.	Ngược lại , hơn 60% sinh viên dưới 26 tuổi được nhà tuyển dụng hỗ trợ . Nhóm tuổi 30–39 là tự chủ nhất , với chỉ 30% được cho nghỉ học và hỗ trợ học phí. Các con số tăng nhẹ đối với sinh viên ngoài 40 tuổi và những người từ 50 tuổi trở lên.

3/ Vocab and Grammar:

3.1/ Vocabulary:

Từ / Cụm	Loại	Nghĩa tiếng Việt	Synonym	Antonym
in terms of	prep phr	xét về	with regard to	–
proportion of students	n phr	tỷ lệ sinh viên	percentage of students	–

Từ / Cụm	Loại	Nghĩa tiếng Việt	Synonym	Antonym
career purposes	n phr	mục đích nghề nghiệp	professional reasons	–
more likely to	adj phr	có xu hướng hơn	more inclined to	–
study for interest	v phr	học vì sở thích	study out of interest	–
employer support	n phr	sự hỗ trợ từ nhà tuyển dụng	support from employers	–
further their careers	v phr	phát triển sự nghiệp	advance their careers	–
purely out of interest	adv phr	hoàn toàn vì sở thích	solely for interest	–
gap between two proportions	n phr	khoảng cách giữa hai tỷ lệ	difference between two figures	–
narrows	v	thu hẹp	decreases	widens
overwhelmingly	adv	áp đảo, chủ yếu	predominantly	–
self-sufficient	adj	tự chủ	independent	dependent
time off and help with fees	n phr	nghỉ học và hỗ trợ học phí	financial support	–
rise slightly	v phr	tăng nhẹ	increase marginally	–

3.2/ Ngữ pháp và cấu trúc hay:

Cấu trúc	Nghĩa tiếng Việt	Cách dùng	Ví dụ trong bài
The bar charts compare ... in terms of ...	Các biểu đồ cột so sánh ... xét về ...	Dùng cho Introduction khi có nhiều biểu đồ	<i>The bar charts compare students of different ages in terms of why they are studying...</i>
It is clear that + clause	Có thể thấy rõ rằng...	Dùng trong Overview để nêu xu hướng chính	<i>It is clear that the proportion of students who study for career purposes is far higher...</i>
while + clause A, clause B	trong khi ... thì ...	Dùng để so sánh hai xu hướng trái ngược	<i>...is far higher among the younger age groups, while the oldest students are more likely...</i>
whereas + clause	trong khi / ngược lại	Dùng để tạo đối chiếu rõ ràng	<i>..., whereas only 10% study purely out of interest.</i>
By contrast, + clause	Ngược lại, ...	Dùng khi chuyển sang nhóm đối lập	<i>By contrast, just over 60% of students aged under 26 are supported...</i>
with + noun phrase	với ...	Dùng để bổ sung thông tin chi tiết	<i>..., with only 30% being given time off and help with fees.</i>



BƯỚC 4: Sau khi đã học từ bài mẫu, nếu được enhance bài viết của bạn, bạn sẽ viết lại thế nào?

